

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 26/2025/HSPT
Ngày 25-3-2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Hà Nam

Các Thẩm phán: Ông Chu Thái Hà

Ông Lại Văn Tùng

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hương và ông Từ Văn Hải - Thư ký
Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên toà:
Bà Lê Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 14/2025/HSPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Phạm Văn N; Trương Đình B và Trương Thành Đ do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 295/2024/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Họ và tên: Phạm Văn N, sinh ngày 10-01-2008; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Xóm A N, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 10/12; con ông Phạm Văn N1 và bà Trần Thị L; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt);

2. Họ và tên: Trương Đình B, sinh ngày 16-02-2007; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Khu dân cư A, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; con ông Trương Đình A và bà Trương Thị H; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

3. Họ và tên: Trương Thành Đ, sinh ngày 15-11-2007; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Thôn Đ, L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Tự do; trình độ

văn hóa: 11/12; con ông Trương Đình V và bà Nguyễn Thị H1; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị Trương Minh T, Phạm Văn H2, Đỗ Văn T1, Phạm Ngọc N2, Bùi Thành L1, Phùng Quang T2, Phạm Thái S, Nguyễn Văn H3, Phạm Tùng D, Đỗ Văn L2, Hoàng Công T3, Trần Như Ngọc S1, Đinh Viết Tuấn A1, Lê Văn T4, Đoàn Xuân T5, Hồ Văn Thế A2, Nguyễn Đức N3 do không liên quan đến nội dung kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa.

Người đại diện theo pháp luật của các bị cáo:

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Phạm Văn N: Bà Trần Thị L (mẹ đẻ bị cáo), sinh năm 1977; nơi cư trú: Xóm A N, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định. Có mặt

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trương Thành Đ: Ông Trương Đình V (bố đẻ bị cáo), sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn Đ, L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Có mặt

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo Trương Đình B: Ông Trương Đình A (bố đẻ bị cáo), sinh năm 1976; nơi cư trú: Khu dân cư A, thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Có mặt

Người bào chữa cho các bị cáo

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn N: Bà Trần Thị N4 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T8 - Sở tư pháp tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Đình B: Bà Bùi Tố Q - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T8 - Sở tư pháp tỉnh Nam Định. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trương Thành Đ: Bà Nguyễn Thị H4 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm T8 - Sở tư pháp tỉnh Nam Định. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 09-7-2024, Đỗ Văn T1 mời Phạm Văn H2; Phạm Ngọc N2; Nguyễn Xuân B1, sinh ngày 29-6-2010, trú tại thôn P, xã N (nay là phường N), thành phố N; Đoàn Xuân T5; Trương Minh T; Phạm Tùng D; Trương Thành Đ; Trương Đình B; Đỗ Văn L2; Phạm Văn N; Nguyễn Đức N3; Hoàng Công T3; Trần Như Ngọc S1; Đặng Văn Q1, sinh ngày 06-7-2009, trú tại thôn P, xã N (nay là phường N), thành phố N; Nguyễn Văn H3; Hoàng Kỳ A3, sinh ngày 13-10-2009, trú tại thôn V, xã N (nay là phường N), thành phố N; Đinh Viết Tuấn A1; Bùi Thành L1; Phùng Quang T2; Lê Văn T4; Phạm Thái S; Hồ Văn Thế A2 đến dự sinh nhật mình tại địa chỉ số C Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định. Trong quá trình dự sinh nhật, Phạm Văn H2 nói với Đỗ Văn T1 việc đi mua pháo sáng ra hồ V đốt, T1 đồng ý. Do có việc bận nên Hồ Văn Thế A2 về trước.

Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi ăn xong Trương Minh T rủ các đối tượng đi xe mô tô với tốc độ cao, lạng lách đánh võng trên đường thì các đối tượng đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 18K1 - 471.46 chở Phạm Tùng D; Phạm Ngọc N2 điều khiển xe mô tô BKS 18B1 - 945.32 chở Đỗ Văn T1 ngồi giữa, Phạm Văn H2 ngồi cuối; Nguyễn Xuân B1 điều khiển xe mô tô BKS 18B2 - 249.79 chở Đặng Văn Q1; Đinh Viết Tuấn A1 điều khiển xe mô tô BKS 18V1 - 0569 chở Phạm Thái S; Bùi Thành L1 điều khiển xe mô tô BKS 18B2 - 363.11 chở Phạm Văn N ngồi giữa, Phùng Quang T2 ngồi cuối; Trương Thành Đ điều khiển xe mô tô BKS 18AA - 087.25 chở Trương Đình B; Trần Như Ngọc S1 điều khiển xe mô tô BKS 18B1 - 615.55 chở Nguyễn Đức N3; Đoàn Xuân T5 điều khiển xe mô tô BKS 18B2 - 764.42 chở Hoàng Kỳ A3 ngồi giữa, Nguyễn Văn H3 ngồi cuối; Lê Văn T4 điều khiển xe mô tô BKS 18K1 - 506.11 chở Đỗ Văn L2 ngồi giữa, Hoàng Công T3 ngồi cuối xe đi về phía cầu V, huyện N, tỉnh Nam Định.

Khi đến gần cầu V thì T lái xe quay lại hướng về phía thành phố N và bảo D gọi mọi người quay lại. D ngồi sau giờ tay lên vẫy thì B1, T4, Tuấn A1, L1, T5, N2, Đ, S1 cùng điều khiển xe quay lại. Trên đường đi, Phạm Văn H2 nói với cả nhóm “lên hồ đi” mục đích rủ cả nhóm đi ra hồ V, thành phố N để tạo thành đoàn đi với tốc độ cao, lạng lách đánh võng để gây chú ý cho mọi người. Đỗ Văn T1 hỏi mượn của Kỳ A3 50.000 đồng đưa cho Phạm Văn H2 rồi bảo N2 chở Phạm Văn H2 và T1 đi mua pháo sáng mang ra hồ đốt, N2 đồng ý.

Các đối tượng di chuyển trên đường Đ đến gần khu vực cầu Đ thì dừng lại. Nguyễn Văn H3, N3, N, D xuống xe lấy ở ven đường mỗi người 01 lá cờ đỏ sao vàng có cán cờ dài 01 m mang theo với mục đích cầm vẫy để cổ vũ kích động mọi người trong quá trình điều khiển xe lạng lách đánh võng. Lúc này, Hồ Văn Thế A2 đi xe điện qua nhìn thấy các đối tượng đang tập trung nên muốn tham gia cùng. Thế A2 bảo Kỳ A3 mang xe của mình về còn Thế A2 lên xe T5 ngồi. Sau đó, cả nhóm tiếp tục di chuyển, đến ngã tư đường T - đường L thuộc phường T thì N2 điều khiển xe rẽ trái vào đường T ra khu vực ngã 6 N để mua pháo sáng, các xe còn lại rẽ vào đường Lê Hồng P đi ra hồ V.

Khi đi đến hồ V thuộc phường V (nay là phường V), thành phố N, Đoàn Xuân T5 điều khiển xe mô tô chở Thế A2 và Nguyễn Văn H3 ngồi sau cầm cờ; Nguyễn Xuân B1 điều khiển xe mô tô chở Đặng Văn Q1 ngồi sau; Trương Minh T điều khiển xe mô tô chở Phạm Tùng D ngồi sau cầm cờ; Bùi Thành L1 điều khiển xe mô tô chở Phùng Quang T2, Phạm Văn N ngồi sau cầm cờ; Trần Như Ngọc S1 điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Đức N3 ngồi sau cầm cờ; Lê Văn T4 điều khiển xe mô tô chở Đỗ Văn L2, Hoàng Công T3 ngồi sau; Trương Thành Đ điều khiển xe mô tô chở Trương Đình B ngồi sau; Đinh Viết Tuấn A1 điều khiển xe mô tô chở Phạm Thái S ngồi sau đi quanh hồ V 02 vòng theo tuyến đường T - L - H - N trong khoảng thời gian từ 21 giờ 50 phút đến 21 giờ 54 phút với tốc độ cao, lạng lách đánh võng, bấm còi inh ỏi, hò hét cổ vũ kích động, người ngồi sau cầm cờ vẫy cổ vũ gây mất trật tự, hoang mang, lo lắng khiến nhiều người đi đường phải đi ép vào, sau đó cả nhóm điều khiển xe đi về xã N (nay là xã N), huyện N, tỉnh Nam Định để đổ xăng và vứt hết cờ trên đường đi.

Thời điểm này, sau khi mua được pháo sáng ở một cửa hàng trên đường T, N2 điều khiển xe mô tô chở T1 và Phạm Văn H2 đi ra hồ V nhưng không thấy đồng bọn nên Phạm Văn H2 gọi điện cho Nguyễn Xuân B1 thông báo đã mua được pháo và bảo mọi người đi lên hồ V đốt. B1 thông báo lại cho Q1 và Q1 nói lại cả nhóm việc H2 rủ mọi người quay lại hồ V vừa đi xe với tốc độ cao, vừa đốt pháo sáng. T5, Thế A2 không tham nữa nên đi về còn các đối tượng còn lại đồng ý tiếp tục tham gia. Sau đó Tuấn A1, B1, T4, N dùng khẩu trang che biển kiểm soát xe, Đ tháo biển kiểm soát để tránh bị phát hiện. Nguyễn Văn H3 chuyển sang ngồi cuối xe Tuấn A1, N3 sang ngồi xe của T, D sang ngồi xe của S1 rồi cả nhóm quay lại hồ V. Lúc này, N2 điều khiển xe chở T1 và Phạm Văn H2 quay lại cầu Đ để đi cùng cả nhóm. Khi N2 đi qua cầu Đ trên đường Đ thì gặp lại nhóm nên N2 điều khiển xe quay lại đi cùng nhóm đến hồ V theo tuyến đường T - Lê Hồng P.

N2 điều khiển xe mô tô dẫn đầu chở T1, Phạm Văn H2 ngồi sau; Nguyễn Xuân B1 điều khiển xe mô tô chở Đặng Văn Q1 ngồi sau; Trương Minh T điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Đức N3; Bùi Thành L1 điều khiển xe mô tô chở Phạm Văn N, Phùng Quang T2 ngồi sau; Trần Như Ngọc S1 điều khiển xe mô tô chở Phạm Tùng D; Lê Văn T4 điều khiển xe mô tô chở Đỗ Văn L2, Hoàng Công T3 ngồi sau; Trương Minh Đ1 điều khiển xe mô tô chở Trương Đình B ngồi sau; Đinh Viết Tuấn A1 điều khiển xe mô tô chở S, Nguyễn Văn H3 ngồi sau đi quanh hồ V với tốc độ cao, lạng lách đánh võng, bấm còi inh ỏi, hò hét cổ vũ. Khi đi đến ngã ba đường N - đường H, rẽ trái vào đường N, Phạm Văn H2 lấy ra 01 quả pháo sáng cầm ở tay phải dơ lên giật chốt, quả pháo sáng phát ra ánh sáng màu hồng, đỏ, kèm theo khói tỏa ra, các đối tượng cùng nhau hò hét và đi tiếp theo đường N rẽ vào đường T. Khi đến gần ngã tư đường T - đường L thì pháo sáng tắt, Phạm Văn H2 liền vát vỏ ống pháo xuống đường. N, L1 tiếp tục điều khiển xe mô tô đi quanh hồ V thêm 02 vòng với tốc độ cao, lạng lách đánh võng, bấm còi inh ỏi, hò hét cổ vũ, các xe còn lại thì đi về trước. Khi xe của N2, L1 đi đến ngã ba đường N - đường H thì bị 04 nam thanh niên không rõ tên tuổi, địa chỉ đi 04 xe mô tô tháo BKS đuổi theo vượt lên ép đầu xe. Do lo sợ bị các nam thanh niên này chặn đánh nên N2 điều khiển xe vượt lên di chuyển với tốc độ cao bỏ chạy về hướng đường N - đường B - đường T. Khi đi đến chân cầu Đ thì xe của N2 đột ngột dừng lại và bị các nam thanh niên đuổi kịp lao vào dùng chân, tay đuổi đánh. T, T2, N3 đi qua nhìn thấy cũng lao vào cùng T1, N2 tham gia đánh nhau với nhóm thanh niên kia nhưng không ai bị thương tích gì. Sau đó, các đối tượng đi về.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ 01 vỏ ống kim loại hình trụ tròn (vỏ ống pháo) tại hiện trường, thu giữ các đoạn Video ghi lại nội dung sự việc.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với những Video clip ghi lại nội dung sự việc được thu giữ trong quá trình điều tra. Bản kết luận giám định số 1399/KL-KTHS ngày 15-09-2024 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Tốc độ di chuyển của các phương tiện xuất hiện trong các đoạn Video thu giữ trên tuyến đường N từ 57,74 km/h đến 86,62 km/h và không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các đoạn Video này.

Bản kết luận giám định số 1752/KL-KTHS ngày 20-10-2024 của Phòng K Công an tỉnh N kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong toàn bộ mẫu cần giám định là các đoạn Video thu giữ.

Tại Cơ quan điều tra, Trương Minh T, Phạm Văn H2, Đỗ Văn T1, Phạm Ngọc N2, Bùi Thành L1, Phùng Quang T2, Phạm Văn N, Trương Thành Đ, Phạm Thái S, Nguyễn Văn H3, Phạm Tùng D, Đỗ Văn L2, Hoàng Công T3, Trương Đình B, Trần Như Ngọc S1, Đinh Viết Tuấn A1, Lê Văn T4, Đoàn Xuân T5, Hồ Văn Thế A2, Nguyễn Đức N3 khai nhận hành vi của mình và đồng phạm.

Do hành vi của các đối tượng gây ảnh hưởng xấu, mất ổn định tình hình an ninh trật tự tại địa phương nên Ủy ban nhân dân phường V (nay là phường V), ủy ban nhân dân phường N (nay là phường T), ủy ban nhân dân phường T đã có đơn đề nghị xác minh, xử lý các đối tượng trên.

Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô BKS 18B2-363.11 thuộc sở hữu của chị Phạm Thị T6, sinh năm 1997, trú tại xã T, huyện N, tỉnh Nam Định (chị ruột của Phạm Văn N). Nhiên tự ý lấy xe đi, chị T6 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị T6.

Xe mô tô BKS 18K1-506.11 thuộc sở hữu của ông Lê Văn V1, sinh năm 1976, trú tại xã T, huyện N, tỉnh Nam Định (bố của Lê Văn T4). T4 tự ý lấy xe đi, ông V1 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông V1.

Xe mô tô BKS 18B2-764.42 thuộc sở hữu của chị Phạm Thị N5, sinh năm 1983, trú tại xã N (nay là phường N), thành phố N, tỉnh Nam Định (mẹ của Đoàn Xuân T5). T5 tự ý lấy xe đi, chị N5 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị N5.

Xe mô tô BKS 18V1-0569 thuộc sở hữu của chị Ngô Thị N6, sinh năm 1982, trú tại xã T, huyện N, tỉnh Nam Định (mẹ của Đinh Viết Tuấn A1). Tuấn A1 tự ý lấy xe đi, chị N6 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị N6.

Xe mô tô BKS 18B1-615.55 thuộc sở hữu của chị Phạm Thị L3, sinh năm 1985, trú tại xã N (nay là phường N), thành phố N, tỉnh Nam Định (mẹ của Trần Như Ngọc S1). Sáng tự ý lấy xe đi, chị L3 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị L3.

Xe mô tô BKS 18K1-471.46 thuộc sở hữu của chị Nguyễn Ngọc L4, sinh năm 1984, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (mẹ của Trương Minh T). T tự ý lấy xe đi, chị L4 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho chị L4.

Xe mô tô BKS 18B2-249.79 thuộc sở hữu của ông Đặng Văn H5, sinh năm 1971, trú tại xã N (nay là phường N), thành phố N, tỉnh Nam Định (bố của Đặng Văn Q1). Q1 tự ý lấy xe đi, ông H5 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông H5.

Xe mô tô BKS 18B1-945.32 thuộc sở hữu của anh Phạm Ngọc T7, sinh năm 1981, trú tại xã N (nay là phường N), thành phố N, tỉnh Nam Định (bố của Phạm Ngọc N2). N2 tự ý lấy xe đi, anh T7 không biết, sau đó anh T7 đã bán chiếc xe trên cho người khác (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nên không thu hồi được.

Xe máy BKS 18AA-087.25 thuộc sở hữu của anh Trương Đình V, sinh năm 1982, trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (bố của Trương Thành Đ). Đ tự ý lấy xe đi, sau đó anh V đã bán chiếc xe trên cho người khác (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) nên không thu hồi được.

04 lá cờ thuộc quản lý, sở hữu của ông Nguyễn Phong L5, sinh năm 1969, trú tại thôn V, xã N (nay là phường N), thành phố N và ông Trần Xuân S2, sinh năm 1962, trú tại thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Các đối tượng khai đã vất đi không rõ vị trí cụ thể nên không thu hồi được, ông L5, ông S2 không yêu cầu bồi thường.

Từ những tình tiết nêu trên; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 295/2024/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn N, Trương Thành Đ, Trương Đình B2 phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt các bị cáo Phạm Văn N; Trương Đình B và Trương Thành Đ mỗi bị cáo 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên tội danh và hình phạt cho các bị cáo khác trong vụ án; xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp tiền án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Ngày 30/12/2024, bị cáo Trương Đình B và bị cáo Trương Đình Đ2 kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc cải tạo không giam giữ.

Ngày 03/01/2025, bị cáo Phạm Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin được hưởng án treo; rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

Người đại diện theo pháp luật của các bị cáo có cùng quan điểm: nhất trí với quan điểm xin rút kháng cáo phần xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Xin HĐXX xem xét chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm:

- Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn N; Trương Đình B và Trương Thành Đ là hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quá trình điều tra, truy tố, xét xử ở giai đoạn sơ thẩm đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bản thân các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn N; Trương Đình B và Trương Thành Đ. Sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn N có quan điểm trình bày: Bị cáo N phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn; bố bị cáo bị bệnh hiểm nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Đình B có quan điểm trình bày: Bị cáo B tuổi còn nhỏ chưa nhận thức được hết hậu quả hành vi của mình; bản thân bị cáo còn đang đi học nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo B được hưởng án treo để bị cáo được tiếp tục việc học như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

Người bào chữa cho bị cáo Trương Thành Đ có quan điểm trình bày: Bị cáo Đ là người chưa thành niên nên nhận thức còn nhiều hạn chế; hành vi của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo cũng là lần đầu phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo Đ được hưởng án treo như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn N; Trương Đình B và Trương Thành Đ làm trong thời hạn luật định, được HĐXX xem xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo tự nguyện xin rút nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ một phần hình phạt, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo. HĐXX xét thấy, việc rút một phần nội dung kháng cáo của các bị cáo như đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự (viết tắt là BLTTHS), cho nên được HĐXX chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn N; Trương Đình B và Trương Thành Đ xin được hưởng án treo, HĐXX nhận thấy: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, xét thấy Tòa án nhân dân thành phố Nam Định đã xét xử các bị cáo Phạm Văn N; Trương Đình B và Trương Thành Đ về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 BLHS là đúng người, đúng tội, không oan. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều là người chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bản thân các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại giai đoạn phúc thẩm bà Trần Thị L là mẹ đẻ của bị cáo Phạm Văn N có đơn trình bày điều kiện, hoàn cảnh khó khăn đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo N được hưởng treo, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo trở thành người tốt; vì vậy HĐXX coi đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS đối với bị cáo N. Đối chiếu với các quy định tại Điều 91; Điều 65 của BLHS; HĐXX xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội cũng có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Vì vậy cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Sửa bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt cho các bị cáo được hưởng án treo.

[3] Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ: điểm b khoản 1 Điều 355, 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn N; Trương Đình B và Trương Thành Đ; sửa bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn N 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (25/3/2025). Về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

- Giao bị cáo Phạm Văn N cho UBND xã T, huyện N giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 318; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101; Điều 65 Bộ luật Hình sự;

2.1. Xử phạt bị cáo Trương Thành Đ 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (25/3/2025). Về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

2.2. Xử phạt bị cáo Trương Đình B 03 (ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (25/3/2025). Về tội “Gây rối trật tự công cộng”;

2.3. Giao các bị cáo Trương Thành Đ và Trương Đình B cho UBND xã N, huyện N giám sát, giáo dục. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

3. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo, cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án Hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn N; Trương Đình B và Trương Thành Đ không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm

5. Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người bị thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án nhân dân TP. Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định;
- Chi cục THA dân sự TP. Nam Định;
- Ủy ban nhân dân xã Nam Điền
huyện Nam Trực;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Thịnh
huyện Nam Trực;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hà Nam